

## Đặc Tả Cấu Trúc Phiếu Xét Nghiệm Giải Phẫu Bệnh Khám Nghiệm Tử Thi

Bảng mô tả định dạng

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                                  | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU      | NGUỒN THAM CHIẾU                                                         |
|----------|----------------|--------------|--------------------|----------------------------------------|--------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| I        | TT_Chung       | 1.1          | ID                 | Mã định danh phiếu/giấy                | Số nguyên    | 25                  |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.2          | MaBenhNhan         | Mã bệnh nhân                           | Chuỗi        | 25                  |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.3          | DonViYeuCau        | Đơn vị yêu cầu                         | Chuỗi        | 250                 |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.4          | HoVaTenBenhNhan    | Họ và tên người bệnh                   | Chuỗi        | 250                 |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.5          | Tuoi               | Tuổi bệnh nhân                         | Số nguyên    | 4                   |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.6          | GioiTinh           | Giới tính<br>1-Nam,<br>2-Nữ,<br>3-Khác | Số nguyên    | 1                   | Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định                               |
| I        | TT_Chung       | 1.7          | Loai               | Loại                                   | Số nguyên    | 1                   |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.8          | DiaChi             | Địa chỉ nhà bệnh nhân                  | Chuỗi        | 500                 |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.9          | TuVongLuc          | Tử vong lúc                            | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.10         | TaiKhoa            | Tại khoa                               | Chuỗi        | 250                 | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                   | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU   | NGUỒN THAM CHIẾU                                                         |
|----------|----------------|--------------|--------------------|-------------------------|--------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| I        | TT_Chung       | 1.11         | NguoiChungKien     | Người chứng kiến        | Chuỗi        | 250              |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.12         | MaNguoiChungKien   | Mã người chứng kiến     | Chuỗi        | 25               |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.13         | MaQuanLy           | Mã quản lý              | Số nguyên    | 25               |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.14         | NgaySinh           | Ngày sinh bệnh nhân     | Ngày         | YYYY/MM/DD       |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.15         | NgayVaoVien        | Ngày vào viện           | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD HH:mm |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.16         | IDMauPhieu         | Mã định danh mẫu phiếu  | Số nguyên    | 5                |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.17         | SoYTe              | Tên Sở Y tế             | Chuỗi        | 250              |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.18         | BenhVien           | Tên bệnh viện           | Chuỗi        | 250              |                                                                          |
| I        | TT_Chung       | 1.19         | MaCSKCB            | Mã cơ sở khám chữa bệnh | Chuỗi        | 25               |                                                                          |
| II       | TT_TomTat      | 2.1          | TomTat             | Tóm tắt                 | Chuỗi        | 3000             |                                                                          |
| II       | TT_TomTat      | 2.2          | KhoaKhamBenh       | Khoa khám bệnh          | Chuỗi        | 250              | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| II       | TT_TomTat      | 2.3          | KhoaDieuTri        | Khoa điều trị           | Chuỗi        | 250              | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                     | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU | NGUỒN THAM CHIẾU |
|----------|----------------|--------------|--------------------|---------------------------|--------------|----------------|------------------|
| II       | TT_TomTat      | 2.4          | TruocPhauThuat     | Trước phẫu thuật          | Chuỗi        | 2000           |                  |
| III      | TT_ChanDoan    | 3.1          | NguyenNhanTuVong   | Nguyên nhân tử vong       | Chuỗi        | 500            |                  |
| III      | TT_ChanDoan    | 3.2          | BenhChinh          | Bệnh chính                | Chuỗi        | 500            |                  |
| III      | TT_ChanDoan    | 3.3          | BenhKemTheo        | Bệnh kèm theo             | Chuỗi        | 500            |                  |
| III      | TT_ChanDoan    | 3.4          | BienChung          | Biến chứng                | Chuỗi        | 500            |                  |
| III      | TT_ChanDoan    | 3.5          | NguyenNhanTuVong2  | Nguyên nhân tử vong (GPB) | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.1          | KhamNghiemTongQuat | Khám nghiệm tổng quát     | Chuỗi        | 3000           |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.2          | NoiTiet            | Nội tiết                  | Chuỗi        | 1000           |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.3          | ThanKinh           | Thần kinh                 | Chuỗi        | 1000           |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.4          | Mat                | Mắt                       | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.5          | TaiMuiHong         | Tai mũi họng              | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.6          | RangHamMat         | Răng hàm mặt              | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.7          | TuanHoan           | Tuần hoàn                 | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.8          | HoHap              | Hô hấp                    | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.9          | TieuHoa            | Tiêu hóa                  | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.10         | Da                 | Da và mô dưới da          | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.11         | CoXuongKhop        | Cơ xương khớp             | Chuỗi        | 500            |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.12         | TietNieu           | Tiết niệu - sinh dục      | Chuỗi        | 500            |                  |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                 | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU      | NGUỒN THAM CHIẾU |
|----------|----------------|--------------|--------------------|-----------------------|--------------|---------------------|------------------|
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.13         | Khac               | Khác                  | Chuỗi        | 1000                |                  |
| IV       | TT_KhamNghiem  | 4.14         | ChiTietBenhLy      | Chi tiết bệnh lý      | Chuỗi        | 3000                |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.1          | NguoiPha           | Người pha             | Chuỗi        | 250                 |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.2          | MaNguoiNguoiPha    | Mã người pha          | Chuỗi        | 25                  |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.3          | NgayPha            | Ngày pha              | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.4          | SoManh             | Số mảnh               | Chuỗi        | 50                  |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.5          | NguoiLamTieuBan    | Người làm tiêu bản    | Chuỗi        | 250                 |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.6          | MaNguoiLamTieuBan  | Mã người làm tiêu bản | Chuỗi        | 25                  |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.7          | TieuBan            | Tiêu bản              | Chuỗi        | 500                 |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.8          | NhuomDacBiet       | Nhuộm đặc biệt        | Chuỗi        | 500                 |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.9          | MoTaDaiThe         | Mô tả đại thể         | Chuỗi        | 2000                |                  |
| V        | TT_TeBao       | 5.10         | KetLuan            | Kết luận              | Chuỗi        | 2000                |                  |
| VI       | TT_XetNghiem   | 6.1          | XetNghiemViKhuẩn   | Xét nghiệm vi khuẩn   | Chuỗi        | 2000                |                  |
| VI       | TT_XetNghiem   | 6.2          | XetNghiemDocChat   | Xét nghiệm độc chất   | Chuỗi        | 2000                |                  |
| VII      | TT_KetLuan     | 7.1          | ChanDoanPhuHop     | Chẩn đoán phù hợp     | Số nguyên    | 1                   |                  |
| VII      | TT_KetLuan     | 7.2          | KetLuanChung       | Kết luận chung        | Chuỗi        | 2000                |                  |

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                 | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU      | NGUỒN THAM CHIẾU |
|----------|----------------|--------------|--------------------|-----------------------|--------------|---------------------|------------------|
| VII      | TT_KetLuan     | 7.3          | BacSiDocKetQua     | Bác sĩ đọc kết quả    | Chuỗi        | 250                 |                  |
| VII      | TT_KetLuan     | 7.4          | MaBacSiDocKetQua   | Mã bác sĩ đọc kết quả | Chuỗi        | 25                  |                  |
| VII      | TT_KetLuan     | 7.5          | BacSiDieuTri       | Bác sĩ điều trị       | Chuỗi        | 250                 |                  |
| VII      | TT_KetLuan     | 7.6          | MaBacSiDieuTri     | Mã bác sĩ điều trị    | Chuỗi        | 25                  |                  |
| VII      | TT_KetLuan     | 7.7          | ThoiGian           | Thời gian             | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                  |

Chuỗi Json

```
{
  "ID": 0,
  "MaBenhNhan": "BN20260095",
  "DonViYeuCau": "Khoa Nội Thận",
  "HoVaTenBenhNhan": "Phạm Thanh Tùng",
  "Tuoi": 30,
  "GioiTinh": 1,
  "Loai": 1,
  "DiaChi": "89 Đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh",
  "TuVongLuc": "2026-04-08T22:15:00",
  "TaiKhoa": "Khoa Cấp cứu",
  "NguoiChungKien": "CN. Trần Thị Kim Anh",
  "MaNguoiChungKien": "CK001",
  "MaQuanLy": 150058,
  "NgaySinh": "1996-02-18",
  "NgayVaoVien": "2026-04-07T14:45:00",
  "IDMauPhieu": 235,
  "SoYTe": "YT202600412",
```

"BenhVien": "Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM",  
"MaCSKCB": "79019",  
"TomTat": "Bệnh nhân vào viện vì đau bụng dữ dội",  
"KhoaKhamBenh": "Khoa Cấp cứu",  
"KhoaDieuTri": "Khoa Nội Thận - Tiết niệu",  
"TruocPhauThuat": "",  
"NguyenNhanTuVong": "Sốc nhiễm khuẩn do viêm thận - bể thận cấp nặng",  
"BenhChinh": "Viêm thận - bể thận cấp hai bên",  
"BenhKemTheo": "Suy thận cấp, nhiễm toan chuyển hóa",  
"BienChung": "Sốc nhiễm khuẩn, suy đa tạng",  
"NguyenNhanTuVong2": "Suy tuần hoàn cấp không hồi phục",  
"KhamNghiemTongQuat": "Thi thể nam, da xanh tái, niêm mạc nhợt, không phù.",  
"NoiTiet": "abc",  
"ThanKinh": "abc",  
"Mat": "...",  
"TaiMuiHong": "...",  
"RangHamMat": "...",  
"TuanHoan": "...",  
"HoHap": "...",  
"TieuHoa": "...",  
"Da": "...",  
"CoXuongKhop": "...",  
"TietNieu": "...",  
"Khac": "",  
"ChiTietBenhLy": "Thận hai bên",  
"NguoiPha": "TS.BS. Lê Văn Nam",  
"MaNguoiNguoiPha": "PhaTT045",  
"NgayPha": "2026-04-09T08:30:00",  
"SoManh": "12 mảnh",  
"NguoiLamTieuBan": "CN. Trần Thị Kim Anh",  
"MaNguoiLamTieuBan": "TB078",

```
"TieuBan": "...",
"NhuomDacBiet": "...",
"MoTaDaiThe": "",
"XetNghiemViKhuon": "Escherichia coli",
"XetNghiemDocChat": "",
"ChanDoanPhuHop": 1,
"KetLuanChung": "Sốc nhiễm khuẩn do viêm thận - bể thận cấp nặng hai bên. tử vong: ",
"BacSiDocKetQua": "PGS.TS. Vũ Thị Lan Hương",
"MaBacSiDocKetQua": "GPB112",
"BacSiDieuTri": "ThS.BS. Nguyễn Thị Thu Hà",
"MaBacSiDieuTri": "BS14567",
"ThoiGian": "2026-04-09T11:30:00"
}
```